

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN
TỈNH TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:16/2019/HSST

Ngày:24/ 01/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Trần Trọng Tú

2. Ông Trần Quảng Thái

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại hội trường, Tòa án nhân dân thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 507/2018/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2018/QĐXXST-HS ngày 10/12/2018 đối với bị cáo:

Trần Hữu K, sinh ngày 09/02/1985; Giới tính : Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Số nhà A, phố B, khu tái định cư Q, xã H, thành phố ND, tỉnh ND; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Hữu M , sinh năm 1958 và con bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1959; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; bị cáo có vợ là PhạmThị Châu P1, sinh năm 1990; con có 01 con sinh năm 2009; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, Chính quyền, Đoàn thể): Năm 2006 có Quyết định kết nạp Đảng viên tại Đảng ủy Học viện hậu cần đến năm 2007 thì được chuyển đảng chính thức tại Đảng ủy bệnh viện 105, đến ngày 20/11/2013 có quyết định phục viên về địa phương và có giấy giới thiệu sinh hoạt đảng về địa phương sinh hoạt, nhưng quá trình phục viên đến nay bị cáo không nộp hồ sơ sinh hoạt đảng cho Đảng ủy xã H, thành phố ND, tỉnh ND, Vì vậy Thành ủy ND, tỉnh ND có văn bản xác định bị cáo Trần Hữu K không có tên trong danh sách Đảng viên.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Trần Thị T, sinh năm 1973
Địa chỉ: Xóm T, xã C, thành phố TN.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người Làm chứng: Bùi Văn P, sinh năm 1965.
Địa chỉ: Xóm A, xã V, huyện Đ, tỉnh TN.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu K đi học tại trường Cao đẳng Nghề than khoáng sản TN tại xã Sơn Cẩm, thành phố TN từ ngày 27/5/2018. Quá trình học tại trường, K sử dụng mạng xã hội Zalo làm quen với chị Trần Thị T (sinh năm: 1973, HKTT: Xóm T, xã C, thành phố TN). Trong thời gian nói chuyện, K biết chị T có sở hữu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đỏ, BKS: 20B1-546.01 và đang có nhu cầu muốn đổi xe. Do thiếu tiền tiêu xài cá nhân, K nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị T. K gợi ý chị T bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đỏ, BKS: 20B1-546.01 của chị T để lấy tiền, sau đó K hứa hẹn sẽ rút thêm tiền của K để mua xe mô tô mới cho chị T, mục đích để chị T đồng ý bán xe mô tô của chị T và K sẽ chiếm đoạt số tiền bán xe đó. Chị T đã đồng ý nghe theo lời của K và hẹn gặp K tại tổ X, phường T, thành phố TN để đi bán xe mô tô của chị T. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 23/7/2018, chị T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đỏ, BKS: 20B1-546.01 đi từ nhà tại Xóm T, xã C, thành phố TN đến khu vực công bến xe Samsung thuộc tổ 11, phường Tân Thịnh, thành phố TN để đón K như đã hẹn trước. Sau đó, K điều khiển xe mô tô của chị T, chở chị T đến cửa hàng xe máy Oanh Thanh thuộc tổ 23, phường Gia Sàng, thành phố TN. Tại đây, chị T bán chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng đỏ, BKS: 20B1-546.01 cho ông Bùi Văn P (sinh năm: 1965, HKTT: Xóm A, xã V, huyện Đ, tỉnh TN) là quản lý cửa hàng với giá 7.500.000 đồng. K là người viết giấy mua bán với cửa hàng, chị T là người trực tiếp kí tên vào giấy mua bán, sau đó chị T giao xe và đăng kí xe mô tô mang tên Trần Thị T cho ông P để lấy số tiền 7.500.000 đồng. Sau khi lấy được tiền bán xe, chị T đưa số tiền nêu trên cho K cầm. K đưa lại cho chị T 3.000.000 đồng và nói dối chị T là K cầm 4.500.000 đồng và hứa hẹn rút thêm tiền của K để mua xe mới cho chị T. Sau đó, K và chị T thuê taxi đến 01 cửa hàng bán xe Honda tại tổ 1, phường Phan Đình Phùng, thành phố TN. Khi đến nơi, K bảo chị T vào trong chọn xe trước và đợi K đi rút thêm tiền mua xe mới cho chị T. Tuy nhiên K không đi rút tiền như đã nói mà cầm số tiền 4.500.000 đồng của chị T bỏ đi và cắt đứt liên lạc với chị T.

Chị T sau khi không thấy K quay lại, xác định tài sản là số tiền 4.500.000 đồng đã bị chiếm đoạt, đã làm đơn trình báo đến Công an phường Tân Thịnh, thành phố TN đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 4.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hiện đã trả lại cho chị Trần Thị T quản lý, sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: chị T không có yêu cầu đề nghị bồi thường gì đối với K.

Tại bản cáo trạng số 505/CT- VKSTPTN ngày 13/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN đã truy tố bị cáo Trần Hữu K về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng : khoản 1 Điều 174 BLHS, điểm b, i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51BLHS, xử phạt: bị cáo từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị xem xét giải quyết vì bị hại không yêu cầu.

Áp dụng Điều 136 BLTTHS 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp án phí HSST và án phí dân sự theo giá ngạch vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên thành phố TN trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, với chứng cứ nêu trên có đủ

cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Hồi 10 giờ 30 phút ngày 23/7/2018 tại tổ 11, phường Tân Thịnh, thành phố TN, Trần Hữu K có hành vi lừa đảo chiếm đoạt 4.500.000 đồng của chị Trần Thị T.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Điều 174 quy định như sau:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi này còn gây mất trật tự trị an ở địa P và gây dư luận xấu trong xã hội nên phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo thực hiện.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo sinh ra và lớn lên được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12 sau đó tham gia quân ngũ đến tháng 11/2003 thì phục viên về địa P, Tiền án, tiền sự không có; Quá trình phạm tội đã bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả; Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Cũng tại phiên tòa bị hại đã có đơn xin giảm nhẹ khung hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1; Khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ điều kiện để giáo dục cải tạo bị cáo trở thành công dân lương thiện.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù, lẽ ra bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 174 BLHS, nhưng xét thấy bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có tài sản. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu xem xét giải quyết vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo giá ngạch.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Hữu K phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Hữu K 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho UBND xã H, thành phố NĐ, tỉnh NĐ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì bị hại không yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, buộc bị cáo Trần Hữu K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP TN;
- CCTHADS TP TN;
- Công an TP TN;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại
- UBND xã Lộc An;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Huyền

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP TN;
- CCTHADS TP TN;
- Công an TP TN;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Huyền

- Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
 - VKSND tỉnh TN;
 - VKSND TP TN;
 - CCTHADS TP TN;
 - Công an TP TN;
 - Sở tư pháp;
 - Bị cáo;
 - Bị hại;
 - Hồ sơ vụ án;
 - Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Huyền

